TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO **TÒA PHÚC THẨM** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 478/2025/HS-PT
Ngày 30 tháng 9 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Hà Huy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 9 và 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 178/2025/TLPT-HS ngày 28 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Mạnh H và bị cáo Nguyễn Văn T; Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2025/HS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu (nay là tỉnh Cà Mau).

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2025/QĐXXPT-HS ngày 08 tháng 8 năm 2025, đối với:

- Bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Mạnh H**, sinh ngày 09 tháng 9 năm 1976 tại thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Nơi thường trú: Khóm B, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường G, tỉnh Cà Mau); Nghề nghiệp: Thu mua phế liệu; Trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; Dân tộc: Kinh; Gới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn R và bà Đinh Thị Thúy H1, sinh năm 1957; Anh chị em ruột có 02 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1990; Có vợ là Đinh Thị L, sinh năm 1978 và con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Nguyễn Văn T; sinh ngày 01 tháng 01 năm 1964 tại huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Nơi thường trú: Khóm A, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường G, tỉnh Cà Mau); Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H2 (chết) và bà Võ Thị P, sinh năm 1937; Anh chị em ruột có 09 người, lớn nhất sinh năm 1960 nhỏ nhất sinh năm 1976; Có vợ là Võ Thị Thu P1, sinh năm 1971 và con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Mạnh H và bị cáo Nguyễn Văn T: Luật sư Nguyễn Văn C và Luật sư Nguyễn Thị Q – Công ty L3 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

(Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Hồng L1; Người bị hại là Công ty Trách nhiệm hữu hạn X, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4, ông Đỗ Thái H3, ông Võ Hồng V1; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Trách nhiệm hữu hạn T5, bà Nguyễn Thị Mỹ T1, ông Nguyễn Chí T2, bà Nguyễn Thị N, bà Đinh Thị L không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị nên Tòa không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vì động cơ vụ lợi, bị cáo Nguyễn Hồng L1 đã từng làm công nhân xây lắp điện, lợi dụng việc các đơn vị xây lắp đường dây điện thường hay để các cuộn dây điện tại bãi đất trống, không có người trông coi, quản lý nên nảy sinh ý định lấy trộm các cuộn dây điện này để bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định của mình, bị cáo L1 liên hệ trước với bị cáo Nguyễn Mạnh H để thỏa thuận việc mua bán các cuộn dây điện. Mặc dù, biết rõ các cuộn dây điện này là do bị cáo L1 trộm cắp được mà có nhưng bị cáo H vẫn đồng ý hứa hẹn mua với giá 20.000 đồng/1kg rồi bán thu lợi. Sau đó, bị cáo L1 thuê bị cáo Nguyễn Văn T, là tài xế lái xe tải gắn cẩu (do bị cáo H giới thiệu) sử dụng cần cẩu để nâng các cuộn dây điện lấy trộm đưa lên xe tải chở đến bán cho bị cáo H với giá một chuyến từ 1.000.000 đồng đến 1.200.000 đồng. Sau lần đầu vận chuyển thuê cuộn dây điện cho bị cáo L1, đến lần thứ hai mặc dù, biết rõ các cuộn dây điện là do bị cáo L1 lấy trộm, nhưng vì muốn có thêm thu nhập nên bị cáo T đã đồng ý giúp bị cáo L1 lấy trộm các cuộn dây điện rồi đưa lên xe tải vận chuyển đến bán cho bị cáo H. Với phương thức, thủ đoạn trên trong khoảng thời gian từ ngày 10/4/2023 đến ngày 29/6/2023, bị cáo Nguyễn Hồng L1 và bị cáo Nguyễn Văn T đã nhiều lần sử dụng xe tải gắn cẩu biển số 94C-007.94 (thuê của ông Nguyễn Chí T2) lấy trộm các cuộn dây điện của Công ty TNHH X, Công ty TNHH T4, Công ty TNHH T3, Công ty TNHH T5, rồi vận chuyển đến bán cho bị cáo Nguyễn Mạnh H, cụ thể như sau:

(1) Vụ thứ nhất: Khoảng 15-16 giờ ngày 10/4/2023 bị cáo L1 gặp bị cáo H để hỏi có mua cuộn dây điện còn nguyên chưa sử dụng không, mặc dù biết rõ các cuộn dây điện do bị cáo L1 trộm cắp mà có nhưng bị cáo H thống nhất mua với

giá 20.000đồng/1kg. Đến chiều tối bị cáo L1 điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu xanh biển số 94B1-639.04 mượn của bà Nguyễn Thị N từ nhà ở ấp A, xã V, huyện H đến Cầu G thuộc ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu trộm 01 cuộn dây điện nhãn hiệu THIPHA CABLE, loại dây nhôm trần bôi mỡ ACKP 50/8 (6x3,2Al/1x3,2St)-A4, có chiều dài 4.120m, chưa qua sử dụng của Công ty TNHH X. Đến khoảng 17 giờ bị cáo T điều khiển xe tải gắn cẩu biển số 94C-007.94 (thuê của ông Nguyễn Chí T2) từ Giá Rai đến Cầu G, tại đây bị cáo L1 yêu cầu bị cáo T dùng cẩu đưa 01 cuộn điện lên xe, chở về vựa thu mua phế liệu của bị cáo H. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày bị cáo T chở đến Vựa thu mua phế liệu của bị cáo H bán được số tiền 16.900.000 đồng, nhận tiền xong bị cáo L1 trả cho bị cáo T 1.000.000 đồng số tiền còn lại bị cáo L1 sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐ ngày 15/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Đ kết luận cuộn dây điện có giá trị 52.365.200 đồng.

(2) Vụ thứ hai: Khoảng 05 giờ một ngày gần cuối tháng 4/2023, các bị cáo L1 và T sử dụng xe tải gắn cẩu biển số 94C-007.94 lấy trộm 01 cuộn dây diện nhãn hiệu THIPHA CABLE, loại dây nhôm trần bôi mỡ ACKP 50/8 (6x3,2Al/1x3,2St)-A4, có chiều dài 4310m, chưa qua sử dụng của Công ty TNHH X để tại Cầu G, thuộc ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu rồi vận chuyển đến bán cho bị cáo H được hơn 17.000.000 đồng. Bị cáo L1 trả cho bị cáo T 1.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo L1 sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐ ngày 15/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Đ kết luận cuộn dây điện có giá trị 54.970.750 đồng.

(3) Vụ thứ ba: Khoảng 04 giờ một ngày cuối tháng 4/2023, các bị cáo L1 và T sử dụng xe tải gắn cẩu biển số 94C-007.94 lấy trộm 02 cuộn dây điện (01 cuộn dây diện nhãn hiệu THIPHA CABLE, loại dây nhôm trần bôi mỡ ACKP 50/8 (6x3,2Al/1x3,2St)-A4, có chiều dài 4.130m, chưa qua sử dụng và 01 cuộn dây diện nhãn hiệu THIPHA CABLE, loại dây nhôm trần bôi mỡ ACKP 50/8 (6x3,2Al/1x3,2St)-A4, có chiều dài 4.310m, chưa qua sử dụng) của Công ty TNHH T3 tại ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu rồi vận chuyển đến bán cho bị cáo H được 29.900.000 đồng. Bị cáo L1 trả cho bị cáo T 1.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo L1 sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐ ngày 14/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Đ kết luận 02 cuộn dây điện có giá trị là 107.272.400 đồng.

(4) Vụ thứ tư: Sau vụ thứ ba khoảng 10 ngày (không nhớ ngày chính xác). Khoảng 04 giờ sáng, các bị cáo L1 và T sử dụng xe tải gắn cẩu biển số 94C-007.94 lấy trộm 01 cuộn dây điện nhãn hiệu THIPHA CABLE, loại cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 3Cx50mm^2 -0,6/1kV, có chiều dài 1979m, chưa sử dụng của Công ty TNHH X để tại Cầu G, thuộc ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu rồi vận chuyển

đến bán cho bị cáo H được số tiền hơn 20.000.000 đồng, bị cáo L1 trả cho bị cáo T số 1.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo L1 sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐ ngày 15/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Đ kết luận cuộn dây điện có giá trị là 77.576.800 đồng.

(5) Vụ thứ năm: Khoảng đầu tháng 4 năm 2023, các bị cáo L1 và T sử dụng xe tải gắn cẩu biển số 94C-007.94 lấy trộm 01 cuộn dây điện, bị cáo T đồng ý. Tại đây bị cáo L1 lấy trộm 01 cuộn dây điện loại dây cáp nhôm, bọc vặn xoắn LV-ABC 3Cx50mm^2-0,6/1KV, dài 2.000m, chưa qua sử dụng của Công ty TNHH T3 tại ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu rồi vận chuyển đến bán cho bị cáo H được số tiền hơn 14.900.000 đồng, bị cáo L1 trả cho bị cáo T 1.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo L1 sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 52/KL-HĐĐGTS 18/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện H kết luận cuộn dây điện có giá trị là 92.000.000 đồng.

(6) Vụ thứ sáu: Khoảng cuối tháng 4 năm 2023. Khoảng 04 giờ sáng, các bị cáo L1 và T sử dụng xe tải gắn cẩu biển số 94C-007.94 lấy trộm 01 cuộn dây điện loại dây nhôm trần bôi mỡ ACKP 50/8mm^2, dài 3.057m, chưa qua sử dụng của Công ty TNHH T5 - do ông Võ Hồng V1 là Thủ kho quản lý để tại ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu rồi vận chuyển đến bán cho bị cáo H được số tiền hơn 5.440.000 đồng, bị cáo L1 trả cho bị cáo T 1.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo L1 sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 53/KL-HĐĐGTS ngày 18/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện H kết luận cuộn dây điện có giá trị là 45.704.608 đồng.

(7) Vụ thứ bảy: Đầu tháng 5 năm 2023, khoảng 04 giờ sáng, các bị cáo L1 và T sử dụng xe tải gắn cẩu biển số 94C-007.94 lấy trộm 01 cuộn dây nhãn hiệu CADIVI 2021-ACXH-240mm^2, bên trong là lõi nhôm được chia thành nhiều dây nhỏ, bên ngoài là lớp vỏ nhựa màu đen (Cáp nhôm bọc lõi thép 24KV ACXH 240/32), đã qua sử dụng, còn lại chiều dài 1000m của ông Đỗ Thái H3 tại ấp E, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu rồi vận chuyển đến bán cho bị cáo H được số tiền hơn 9.200.000 đồng, bị cáo L1 trả cho bị cáo T 1.200.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo L1 sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 39/KL-HĐ ngày 17/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Đ kết luận cuộn dây điện có giá trị là 108.000.000 đồng.

(8) Vụ thứ tám: Khoảng 03 giờ sáng ngày 18/5/2023, các bị cáo L1 và T sử dụng xe tải gắn cẩu biển số 94C-007.94 lấy trộm 01 cuộn dây điện nhãn hiệu THIPA CABLE, loại cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 3Cx50mm^2 -0,6/1kV, chiều dài 2005m, chưa qua sử dụng của Công ty TNHH X tại ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu rồi vận chuyển đến bán cho bị cáo H để bán, do thấy có người

thanh niên mặc quần áo điện lực nhìn vào cuộn dây điện, sợ bị phát hiện nên bị cáo L1 không bán ngay mà gửi cuộn dây điện tại Vựa thu mua phế liệu của bị cáo H rồi điều khiển xe đi.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐ ngày 24/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Đ kết luận cuộn dây điện có giá trị là 86.215.000 đồng.

(9) Vụ thứ chín: Vào ngày 28/6/2023, bị cáo L1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu xanh, biển số 94B1-639.04 mượn của bà Nguyễn Thị N đang điều khiển đi, thì bị cáo L1 thấy tại bãi đất trống trên đường P, thuộc Khóm A, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu có để một cuộn dây điện không ai quản lý nên nảy sinh ý định trộm bán lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 05 giờ 30 phút ngày 29/6/2023, bị cáo L1 lấy trộm 01 cuộn dây điện nhãn hiệu "THIPA CABLE 2020 ACX-WB-120/19mm^2 12,7/22(24)KV", trọng lượng 853kg, dài 1.010m, vỏ nhựa, loại cáp nhôm bọc lõi thép (kẽm) của Công ty TNHH T4 (người đại diện theo pháp luật ông Kiều Phúc H4, Giám đốc) tại Khóm A, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Sau đó, bị cáo L1 thuê xe của 02 người đàn ông (không rõ nhân thân, địa chỉ) chở đến Vựa thu mua phế liệu của bà Nguyễn Thị Mỹ T1, thuộc ấp B, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu bán được số tiền 6.720.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 117/KL-HĐĐGTS ngày 21/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố B kết luận cuộn dây điện có giá trị là 68.601.220 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng:

- Ngày 20/5/2023 thu giữ tại Vựa thu mua phế liệu của bị cáo Nguyễn Mạnh H 01 (một) cuộn dây điện nhãn hiệu THIPHA CABLE, màu đen, được quấn cuộn tròn trong lõi bằng gỗ, bên ngoài có nhiều miếng ván gỗ che lại (đã trả lại cho chủ sở hữu), là Công ty Trách nhiệm hữu hạn X.

- Ngày 29/6/2023 thu giữ tại nhà bà Nguyễn Thị Mỹ T1 06 cuộn dây điện được cắt thành đoạn nhỏ (đã trả lại cho chủ sở hữu), là Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4.

- Ngày 21/5/2023 thu giữ của bị cáo Nguyễn Hồng L1: 01 (một) điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Samsung Galaxy M51 màu đen đã qua sử dụng, kiểu máy SM-M515F/DSN, số sêri RF8NC10AQDN, số IMEI1: 353544562993014, số IMEI2: 353914472993018, điện thoại gắn 01 sim Vinaphone số serial 898402000 11451287740 và 01 (một) điện thoại di động bàn phím số nhãn hiệu Nokia 105 màu đen đã qua sử dụng, kiểu máy TA-1174, số IMEI1: 353482158238025, số IMEI2: 353482159238024; điện thoại gắn 02 sim Vinaphone, sim 1 số sêri 898402000 11451287757, sim 2 số sêri 898402000 11455086767.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại bà Nguyễn Thị Mỹ A (đại diện Công ty Trách nhiệm hữu hạn X); ông Huỳnh Văn H5 (đại diện Công ty TNHH T3); ông

Võ Hồng V1 và ông Đỗ Thái H3 yêu cầu các bị cáo Nguyễn Hồng L1, Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Văn T có trách nhiệm bồi thường giá trị các cuộn dây điện theo kết luận định giá; Công ty TNHH T4, ông Kiều Phúc H4 đại diện ngày 10/01/2025 có đơn không yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự.

Ngày 26/9/2023, bị cáo Nguyễn Mạnh H tự nguyện nộp số tiền 120.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại.

Ngày 28/6/2024, bị cáo Nguyễn Văn T tự nguyện nộp số tiền 8.200.000 đồng để bồi thường thiệt hại.

Tại Cáo trạng số 29/CT-VKS-TBL-P1, ngày 28/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, truy tố để xét xử bị cáo Nguyễn Hồng Lâm, Nguyễn Mạnh Hùng, Nguyễn Văn T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2025/HS-ST ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu (nay là tỉnh Cà Mau), đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hồng L1, Nguyễn Mạnh H và Nguyễn Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản"*.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58; Điều 17, khoản 1 Điều 54, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H 08 (tám) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt chấp hành án.

3. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58, Điều 17, khoản 1 Điều 54, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 (bảy) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt chấp hành án.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 587 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Hồng L1, Nguyễn Mạnh H và Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền cho bị hại, cụ thể gồm:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn X 184.912.750 đồng (phần nghĩa vụ của bị cáo L1 70.365.016 đồng, phần nghĩa vụ của bị cáo H 70.365.016 đồng, phần nghĩa vụ của bị cáo T 44.182.000 đồng).

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 199.272.400 đồng (phần nghĩa vụ của bị cáo L1 66.424.133 đồng, phần nghĩa vụ của bị cáo H 66.424.133 đồng, phần nghĩa vụ của bị cáo T 66.424.133 đồng).

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn T5 45.704.608 đồng (phần nghĩa vụ của bị cáo L1 15.234.869 đồng, phần nghĩa vụ của bị cáo H 15.234.869 đồng, phần nghĩa vụ của bị cáo T 15.234.869 đồng).

- Ông Đỗ Thái H3 108.000.000 đồng (phần nghĩa vụ của bị cáo L1 36.000.000 đồng, phần nghĩa vụ của bị cáo H 36.000.000 đồng, phần nghĩa vụ của bị cáo T 36.000.000 đồng).

Số tiền bị cáo H nộp 120.000.000 đồng, bị cáo T nộp 8.200.000 đồng bồi thường thiệt hại được đối trừ trong giai đoạn thi hành án.

(Theo Lệnh chuyển có số 23091610300000369 lập ngày 07/12/2023 và Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 01/7/2024, bút lục 316 và 351).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hồng L1; về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/01/2025, bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin giảm số tiền bồi thường.

Ngày 23/01/2025, bị cáo Nguyễn Mạnh H có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Luật sư Nguyễn Văn C và Luật sư Nguyễn Thị Q trình bày:

Cơ sở pháp lý về đồng phạm đối với hai bị cáo trong vụ án này không phù hợp với Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015 do không xác định được có sự thống nhất ý chí và cùng thực hiện tội phạm. Bản án sơ thẩm không xem xét vận dụng Điều 13, 15 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để bị cáo được hưởng nguyên tắc suy đoán vô tội; Cơ quan tiến hành tố tụng có nghĩa vụ chứng minh tội phạm. Nếu không chứng minh được sự bàn bạc, phân công, thống nhất ý chí trước khi L1 thực hiện hành vi trộm cắp thì không thể coi là đồng phạm giúp sức. Thực tế hồ sơ không có căn cứ chứng minh được yếu tố đồng phạm. Đối với bị cáo Nguyễn Mạnh H: Bị cáo L1 khai (BL 480, 490): "Tự tôi nảy sinh ý định, tự thực hiện hành vi, không ai rủ rê, bàn bạc hay hứa hẹn trước". Khi bán dây điện, L1 nói là hàng công trình còn dư, H tin tưởng và mua lại theo giá phế liệu (BL 457, 469). H thậm chí còn yêu cầu L1 viết giấy cam đoan về nguồn gốc. H không tham gia khảo sát, lấy trộm, canh gác hay vận chuyển tại hiện trường. Toàn bộ hành vi chỉ diễn ra sau khi tài sản đã bị chiếm đoạt. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T: L1 khai tại BL 457, 469, 480, 499: Tư chỉ chở thuê, không hỏi nguồn gốc, không được chia lợi nhuận. Tư không tham gia lên kế hoạch, không có mặt tại hiện trường. Thù lao 200.000 – 300.000 đồng/chuyến chỉ phản ánh công vận chuyển, không phải hưởng lợi từ tài sản trộm. Việc quy kết bị cáo T nhiều lần chở thuê đồng nghĩa đồng phạm là thiếu căn cứ, bỏ qua sự khác biệt quan trọng về ý thức chủ quan. Hồ sơ không chứng minh được sự thống nhất ý chí hay phân công vai trò giữa H, T và L1. Việc xác định có đồng phạm là thiếu cơ sở pháp lý và chứng cứ.

Án sơ thẩm có sai sót trong việc định tội. Đồng phạm phải được chứng minh bằng chứng cứ rõ ràng về sự cấu kết. Hồ sơ hiện tại hoàn toàn không có. Lời khai nhất quán của L1: ông ta hành động một mình, tự nảy sinh ý định, không có

bàn bạc với H hoặc T. Nguyên tắc tố tụng cơ bản đã bị vi phạm: không thể suy diễn bất lợi cho bị cáo khi chứng cứ chưa rõ ràng.

Hành vi phạm tội của hai bị cáo phù hợp với tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" (Điều 323 Bộ luật Hình sự). Bị cáo Nguyễn Mạnh H lần đầu mua dây điện có giấy cam đoan, H tin là hàng dư công trình. Đây là căn cứ loại trừ trách nhiệm hình sự. Các lần sau, khi hàng hóa có dấu hiệu bất thường (cuộn còn nguyên đai), H có thể nhận biết và vẫn mua. Hành vi này nếu có tội, thì chỉ có thể cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", không phải tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo Nguyễn Văn T chỉ làm nghề lái xe thuê, nhận thù lao nhỏ. Không tham gia, không được chia chác, hưởng lợi từ tài sản do L1 trộm cắp, ý thức chủ quan của bị cáo chỉ là vận chuyển thuê. Nếu có trách nhiệm, cũng chỉ là hành vi giúp sức H tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, không phải đồng phạm tội "Trộm cắp tài sản", tuy nhiên cần phải điều tra làm rõ chứng cứ buộc T chịu trách nhiệm về hành vi này. Tính chất khiên cưỡng của việc định tội cấp sơ thẩm, việc áp dụng Điều 173 Bộ luật Hình sự đối với H và T là trái bản chất khách quan, chưa đánh giá đúng ý thức chủ quan và hành vi thực tế.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại phần trách nhiệm dân sự của bị cáo H và bị cáo T vì trách nhiệm dân sự không thể và không nên ngang bằng với người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp. Nguyên tắc áp dụng Điều 584, 585, 587 của Bộ luật Dân sự: Trách nhiệm bồi thường phải cá thể hóa theo mức độ lỗi và mức độ hưởng lợi. Ai trực tiếp chiếm đoạt và hưởng lợi thì phải bồi thường chính. Về tổng giá trị cuộn dây điện L1 đã bán có giá trị là 624.104.758 đồng, không phải là 642.104.758 đồng như Bản án sơ thẩm, Cáo trạng và Kết luận điều tra đã ghi. Bị cáo Nguyễn Mạnh H chỉ mua lại tài sản, hưởng lợi nhỏ từ việc bỏ vốn mua và bán hàng hóa chênh lệch thu lời. Không được hưởng lợi từ tài sản trộm cắp do L1 chia hưởng. Việc buộc bồi thường ngang bằng với L1 (188.000.000 đồng) là thiếu công bằng, trái nguyên tắc pháp luật dân sự. Bị cáo Nguyễn Văn T chỉ vận chuyển thuê, không hưởng lợi, mức lỗi gián tiếp. Án sơ thẩm buộc bị cáo T bồi thường hơn 160.000.000 đồng là vô lý, trái với Điều 585, 587 của Bộ luật Dân sự. Nguyên tắc giới hạn xét xử phúc thẩm: Theo Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án cấp phúc thẩm không được làm xấu hơn tình trạng của bị cáo không kháng cáo. Bị cáo L1 không kháng cáo, nên Hội đồng xét xử cần phân hóa trách nhiệm cho đúng, thay vì để H, T ngang bằng với L1. Kết luận về trách nhiệm dân sự: L1 là người phải chịu trách nhiệm chính, bồi thường toàn bộ. Bị cáo H chỉ phải hoàn trả khoản lợi ích bất chính thu được. Bị cáo T cần được miễn hoặc giảm tối đa trách nhiệm dân sự.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo Nguyễn Mạnh H thì bản án sơ thẩm đã xác định bị cáo H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Điểm b khoản 1 Điều 51: Tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả (đã nộp 120.000.000 đồng); khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là bị cáo đầu thú. Cậu của bị cáo là người có công với cách mạng, đã nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm nhưng chưa được xem xét tình tiết giảm nhẹ. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đề nghị

Hội đồng xét xử xem xét thêm một số tình tiết giảm nhẹ sau: Thứ nhất, xét về nhân thân: bị cáo H có nơi cư trú rõ ràng, chưa từng có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế, hành vi phạm tội một phần do thiếu hiểu biết. Thứ hai, về hoàn cảnh gia đình: bị cáo hiện là lao động chính trong gia đình, đang nuôi hai con nhỏ (sinh năm 2010 và năm 2012), cả hai cháu đều đang trong độ tuổi đi học và hoàn toàn phụ thuộc vào sự chu cấp của bị cáo. Việc cách ly bị cáo khỏi xã hội trong thời gian dài sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến điều kiện học tập, sinh hoạt và phát triển của các cháu. Thứ ba, bị cáo đã xuất trình Đơn xác nhận của UBND phường G thể hiện trong thời gian cư trú tại địa phương, bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và có tham gia đóng góp tích cực vào các hoạt động, quỹ xã hội, từ thiện ở địa phương. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T thì bản án sơ thẩm cũng xác định bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như của bị cáo Nguyễn Mạnh H. Gia đình bị cáo có công với nước, mẹ vợ là thương binh, mẹ ruột thờ cúng liệt sĩ đã nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm nhưng chưa được xem xét. Tại phiên tòa phúc thẩm, tôi đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc thêm các tình tiết giảm nhẹ như sau: Thứ nhất, bị cáo T có nơi cư trú ổn định, nhân thân tốt, chưa từng có tiền án, tiền sự. Bị cáo làm nghề lái xe thuê, thu nhập bấp bênh, điều kiện kinh tế rất khó khăn. Do trình độ học vấn thấp, hiểu biết pháp luật hạn chế, bị cáo không lường hết được tính chất pháp lý của hành vi khi đồng ý chở tài sản cho bị cáo L1. Thứ hai, bị cáo T hiện tuổi đã cao, sức khỏe yếu, mang nhiều bệnh nền, phải điều trị thường xuyên. Tại phiên tòa, bị cáo đã xuất trình Đơn xác nhận của UBND phường G thể hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo thuộc diện đặc biệt khó khăn.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 và Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Hủy bản án sơ thẩm và điều tra lại để làm rõ bản chất vụ án, bảo đảm khách quan, toàn diện. Trường hợp Hội đồng xét xử thấy có căn cứ kết tội, đề nghị chuyển tội danh sang "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" (Điều 323 Bộ luật Hình sự), áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt dưới khung, xem xét cho các bị cáo hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự: phân hóa trách nhiệm bồi thường, không buộc H và T phải chịu trách nhiệm ngang bằng với L1. Việc kết tội bị cáo H và bị cáo T là đồng phạm đối với tội "Trộm cắp tài sản" là chưa có căn cứ pháp lý vững chắc. Hành vi của các bị cáo chỉ phù hợp với tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thấu đáo, đảm bảo nguyên tắc đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Mạnh H trình bày: Bị cáo Nguyễn Mạnh H xin thay đổi kháng cáo, đề nghị Hội đồng xử xem xét tội danh và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn T trình bày: Bị cáo Nguyễn Văn T cho rằng bị cáo không phạm tội, trường hợp Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có tội thì xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm, phúc thẩm các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Mạnh H và bị cáo Nguyễn Văn T, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Mạnh H và Nguyễn Văn T làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Mạnh H thay đổi kháng cáo, đề nghị Hội đồng xử xem xét tội danh và xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Nguyễn Văn T cho rằng bị cáo không phạm tội, trường hợp Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có tội thì xin giảm nhẹ hình phạt; Xét:

[2.1] Xét kháng cáo về tội danh đối với bị cáo Nguyễn Mạnh H:

Tại Bản tường trình của bị cáo H ngày 24/5/2023, bị cáo H trình bày: Trước ngày 18/5/2023 thì L1 có liên hệ để bán 02 cuộn dây điện, lần đầu vào ngày 10/4/2023, do ông L1 cùng ông T chở đến một cuộn dây điện còn nguyên, chưa qua sử dụng….với kinh nghiệm thu mua phế liệu lâu năm tôi biết đây là đồ gian do L1 chiếm đoạt của người khác nên tôi yêu cầu L1 viết giấy xác nhận…

Tại Bản tường trình ngày 01/6/2023 do bị cáo H viết và ký tên (BL510-511), bị cáo H trình bày: Từ trước đến nay tôi đã mua của tên L1 08 cuộn dây điện; cuộn đầu tiền vào sáng ngày 10/4/2023, do ông T điều khiển xe cẩu chở đến, còn bị cáo L1 chạy xe mô tô đi cùng, cuộn dây điện này còn nguyên chưa khui thùng nên tôi nghi ngờ đây là đồ gian do L1 chiếm đoạt trái phép, tôi có yêu cầu L1 viết giấy xác nhận, sau khi mua tôi dùng máy cắt ra lấy lỏi nhôm để bán cho cửa hàng ở Thành phố Hồ Chí Minh. Lần thứ hai cách lần đầu vài ngày, tôi nhận cuộn dây điện còn nguyên chưa sử dụng do ông T điều khiển xe cẩu chở đến…lần thứ 3 sau lần thứ hai vài ngày, tôi mua của L1 một cuộn dây điện còn nguyên chưa qua sử dụng; lần thứ tư tôi mua một cuộn dây điện đã sử dụng khoảng 200m còn 700 m chưa sử dụng… lần thứ năm cũng mua một cuộn đã qua sử dụng…lần thứ sáu tôi mua cùng lúc 2 cuộn dây điện còn nguyên chưa qua sử dụng; lần cuối tôi mua một cuộn dây điện chưa qua sử dụng….Các lần đều do ông T dùng xe cẩu chở đến vựa phế liệu.

Tại biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú vào 13 giờ 15 phút ngày 01/6/2023, tại trụ sở Công an huyện Đ, bị cáo H khai: "Vào khoảng thời gian từ 10/4/2023 đến giữa tháng 5 năm 2023 tôi đã mua 08 (tám) cuộn dây điện của tên L1 tại vựa thu mua phế liệu của tôi thuộc khóm B, phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, tôi biết những cuộn dây diện này do L1 thực hiện hành vi lấy trộm mà có đem bán cho tôi. Tôi cam đoan nội dung khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật".

Tại các biên bản hỏi cung đối với bị cáo Nguyễn Mạnh H ngày 04/11/2023, 26/9/2023, 04/7/2024, 05/7/2024 bị cáo H khai đều có nội dung: *Trong khoảng thời gian từ 10/4/2023 đến giữa tháng 5/2023, tôi đã có hành vi mua lại 08 cuộn dây điện của người tên L1; lần thứ nhất là cuộn dây còn nguyên chưa khui thùng nên tui nghi ngờ là đồ gian do L1 chiếm đoạt trái phép đem bán cho tôi…Đối với các lần sau, mỗi lần bán dây điện thì ngày hôm trước L1 đều gọi điện cho tôi, tôi đồng ý mua ngày hôm sau L1 thuê xe cẩu chở đến vựa thu mua của tôi…mỗi lần thanh toán tiền đều có ông T là người chứng kiến*. Các biên bản hỏi cung trên bị cáo H đều được đọc lại, công nhận ghi đúng lời trình bày của bị cáo và được bị cáo H ký tên.

Tại các biên bản hỏi cung đối với bị cáo Nguyễn Mạnh H ngày 18/6/2024, bị cáo H khai: *"....Lần đầu tiên, Nguyễn Hồng L1 mang cuộn dây điện đến bán, bị can thấy cuộn dây điện này còn nguyên cuộn, chưa khui thúng ván, với kinh nghiệm thu mua phế liệu lâu năm thì bị can nghi ngờ đây là đồ gian do L1 chiếm đoạt trái phép mang đến bán nên bị can hỏi thì L1 nói là Công ty thi công còn dư. Bị can nói với L1 nếu của Công ty còn dư thì phải ghi giấy tay xác nhận nên bị can chấp nhận mua. Những lần sau, bị can đồng ý mua nhưng không yêu cầu L1 viết giấy nữa. Bản thân bị can hành nghề mua bán phế liệu nhiều năm nên có thể biết được đây là tài sản do L1 trộm được mà có vì thông thường công trình còn dư thì chỉ dư ít mới mang đi bán, chứ không ai bán cả cuộn dây còn nguyên. Mục đích bị can mua những cuộn dây điện này là để bán lại thu lợi nhuận"*.

Tại các biên bản ghi lời khai đối với bị cáo Nguyễn Mạnh H ngày 19/5/2023, 24/5/2023, 01/6/2023, 30/8/2023, 21/9/2023, bị cáo H khai đều có nội dung: Bị cáo mua tổng cộng của Nguyễn Hồng L1 là 07 lần với 08 cuộn dây điện; các lần đều do ông T chở đến bằng xe cẩu và bị cáo L1 đi cùng bằng xe mô tô.

Theo đó, các lời trình bày, lời khai của bị cáo H tại bảng tường trình, biên bản tiếp nhận người phạm tội đầu thú, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung đều có nội dung phù hợp với lời khai của bị cáo L1 và bị cáo T trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng nên có cơ sở xác định:

Ngay từ lần đầu tiên (ngày 10/4/2023) khi bị cáo L1 mang cuộn dây điện đến bán cho bị cáo thì bị cáo đã biết là của gian do bị cáo Lâm trộm của Công ty nhưng vẫn nhận mua, tiêu thụ cho bị cáo L1 để bị cáo L1 lấy tiền tiêu xài. Tiếp sau đó, mỗi lần bán dây điện thì bị cáo L1 đều gọi điện thoại trước cho bị cáo H, được bị cáo H đồng ý tiêu thụ thì bị cáo L1 mới thuê bị cáo T dùng xe cẩu chở đến vựa phế liệu cho bị cáo H. Như vậy, trừ lần đầu tiên ra bị cáo H mua tài sản

do bị cáo L1 trộm cắp là không có hứa hẹn mua (tiêu thụ); Còn lại các lần bị cáo H đều biết là tài sản trộm cắp nhưng vẫn hứa hẹn nhận tiêu thụ cho bị cáo L1. Cho thấy, đối với các lần sau hành vi của bị cáo H không còn là "tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" mà đã trở thành đồng phạm giúp sức, hứa hẹn tiêu thụ để tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo L1 thực hiện hành vi trộm cắp. Đồng thời, hành vi giúp sức của bị cáo H còn thể hiện mục đích vụ lợi, hứa hẹn tiêu thụ để kiếm lợi nhuận.

Do đó, hành vi của bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo L1.

[2.2] Đối với bị cáo Nguyễn Văn T:

Tại biên bản tường trình ngày 09/5/2023 của bị cáo Nguyễn Văn T, thì bị cáo T trình bày: Vào khoảng 4giờ ngày 9/4/2024 tôi có nhận chở thuê cho ông L2 (L1) …tôi chạy xe cần cẩu vào khu vực ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu còn L2 (L1) chạy xe máy đi trước dẫn đường cho tôi tới khu vực trạm bơm nước để lấy cuộn dây điện đang để cặp mé lộ sau khi lấy xong L2 (L1) kêu tôi chở về vựa phế liệu của ông H thuộc phường 1…khi đến đây tôi cẩu cuộn dây điện xuống nhà của ông H…

Tại biên bản tường trình ngày 19/5/2023, bị cáo Nguyễn Văn T trình bày: Ngoài những lần chở thuê cho L2 (L1) trước đây thì tôi còn chở cho L1 những lần cụ thể như sau: Trước thời điểm tôi chở thuê cho L1 ở G khoản hơn 10 ngày tôi không nhớ chính xác thời gian còn có chở cho L1 cuộn dây điện ở ven đường lộ G, lần này khoảng 5 giờ sáng, tôi chạy xe từ Giá R1 vào G khi gần đến điểm để cuộn dây điện thì L1 đứng đây đón tôi, tôi thấy cuộn dây điện đã sử dụng để ở ven đường…L1 phụ đưa cuộn dây điện lên xe cẩu và kêu tôi đưa về điểm thu mua phế liệu của ông H …cách đây 02 tháng tôi có nhận chở thuê cho L1 03 cuộn dây điện tại một nhà ở gần cầu R, thuộc xã L…

Tại bản tường trình ngày 08/10/2023, bị cáo Nguyễn Văn T trình bày: Tôi đã nhận chở thuê cho L1 tổng cộng 08 chuyến với 09 cuộn dây điện cụ thể; dưới chân cầu R là 03 chuyến với 03 cuộn dây điện …lần tiếp theo tại khu vực cầu Đ là 02 cuộn…lần tiếp theo là ở khu vực đối diện khách sạn X1 là 01 cuộn…Lần tiếp theo chở 01 cuộn đang sử dụng dỡ ở ven lộ Gành Hào…vụ cuối cùng là chở 1 cuộn dây điện ở ấp G…*mỗi lần vận chuyển xong tôi chở về vựa thu mua phế liệu của ông H thuộc khóm B, phường A, thị xã G, mỗi chuyến như vậy là L1 trả cho tôi 1.000.000 đồng…Tôi biết được những cuộn dây điện này do L1 chiếm đoạt của Công ty đem bán lấy tiền tiêu xài nhưng bản thân tôi tham lợi nhuận bởi những chuyến chở thuê cao vào thời gian chưa bắt đầu ngày làm việc nên tôi tranh thủ chở thuê để kiếm thêm thu nhập*.

Tại biên bản hỏi cung đối với bị cáo Nguyễn Văn T ngày 05/7/2024, có luật sư bào chữa cho bị cáo chứng kiến và ký tên (BL563, 564, 565), thể hiện nội dung: Bị can T khai bị can chở tổng cộng cho L1 là 08 chuyến với 09 cuộn dây điện, tất cả các cuộn dây điện này đều chở về vựa phế liệu của H… từ lần thứ hai đến lần thứ tám, khi L1 gọi điện thoại cho bị can chở các cuộn dây điện đến vựa phế liệu

thì bị can đã biết L1 mang dây điện đi bán nhưng vẫn đồng ý chở thuê cho L1…Lần thứ hai bị cáo có hỏi L1 các cuộn dây điện ở đâu mà có thì L1 nói những cuộn công trình còn dư nên L1 mang đi bán…nhưng bản thân bị can biết được những cuộn dây điện này là do L1 chiếm đoạt của Công ty để bán lấy tiền, còn chiếm đoạt như thế nào bị can không rõ; Lý do bị can biết là các lần chở thuê đều vào khoảng thời gian khác thường (sáng sớm), cuộn dây điện chở thuê cho L1 có một số cuộn vẫn còn nguyên, chưa sử dụng, các công trình thi công điện không thể nào sử dụng dư nhiều như vậy; mặt khác, mục đích L1 thuê bị can chở các cuộn dây điện đều để đi bán phế liệu tại vựa thu mua phế liệu của ông Nguyễn Mạnh H, không chỉ một mà nhiều lần…

Tại các biên bản ghi lời khai đối với bị cáo Nguyễn Văn T ngày 25/5/2023, 29/5/2023, 08/10/2023, 13/6/2024 đều có nội dung: Bị cáo T khai chở thuê cho L1 tổng cộng là 08 chuyến với 09 cuộn dây điện; các lần đều chở về vựa phế liệu của H…và bị cáo L1 trả tiền công cho bị cáo mỗi chuyến là 1.000.000 đồng.

Tương tự như bị cáo Nguyễn Mạnh H; các lời trình bày, lời khai của bị cáo T tại bản tường trình, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung đều có nội dung phù hợp với lời khai của bị cáo L1 và bị cáo H trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng nên có cơ sở xác định:

Sau lần chở thuê cuộn dây điện thứ nhất cho bị cáo L1 thì từ lần thứ hai bị cáo T đã biết rõ các cuộn dây điện là của Công ty do L1 chiếm đoạt đem đi bán cho vựa phế liệu của bị cáo H để kiếm tiền tiêu xài nhưng mỗi lần bị cáo L1 gọi cho bị cáo để thuê chở cuộn dây điện thì bị cáo T đều đồng ý và đã điều khiển xe cẩu đến nơi H chỉ điểm để cùng bị cáo L1 lấy cuộn dây điện cho lên xe rồi mang đến vựa phế liệu (điểm tiêu thụ) cho bị cáo L1. Hành vi của bị cáo T đã giúp sức tích cực, tạo điều kiện thuận lợi để cho bị cáo L1 thực hiện hành vi trộm cắp, chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Do đó, hành vi của bị cáo T đã đủ yêu tố cấu thành tội "trộm cắp tài sản" với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo L1.

Nên, căn cứ vào kết quả định giá tài sản do bị cáo L1 trộm cắp của các bị hại; Cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo H và bị cáo T về tội "Trộm cắp tài sản" với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo L1 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, đúng tội danh, không oan.

[3] Xét trong vụ án này với động cơ vụ lợi, ý thức chiếm đoạt tài sản của người khác, trong khoảng thời gian từ ngày 10/4/2023 đến ngày 29/6/2023 bị cáo Nguyễn Hồng L1 đã 09 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại; trong đó bị cáo Nguyễn Văn T đã giúp sức cho bị cáo L1 07 lần, bị cáo H đã giúp sức cho bị cáo L1 08 lần, để tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo L1 thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác trái pháp luật, gây dư luận xấu trong nhân dân và ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng với lỗi cố ý để thực

hiện hành vi chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn của các bị hại. Do đó, cần xử các bị cáo mức án thật nghiêm để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3.1] Đối với bị cáo Nguyễn Mạnh H: Bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức tiêu thụ, thuộc trường hợp "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã đầu thú và bồi thường thiệt hại cho bị hại với số tiền 120.000.000 đồng theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử bị cáo mức hình phạt 08 năm tù là phù hợp. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm bị cáo đã bồi thường thêm số tiền 68.024.018 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000291 ngày 29/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau để khắc phục toàn bộ hậu quả của bị cáo đối với các bị hại, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo H một phần hình phạt.

[3.2] Đối với bị cáo Nguyễn Văn T: Bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức vận chuyển tài sản đến nơi tiêu thụ, thuộc trường hợp "Phạm tội 02 lần trở lên", theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường một phần thiệt hại với số tiền 8.200.000 đồng cho bị hại theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự tuyên xử bị cáo mức án 07 năm tù là tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Vậy nên, Hội đồng xét xử giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo T.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho các bị hại tương ứng kết quả định giá tài sản mà các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là phù hợp với quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm mức bồi thường của bị cáo T.

[5] Từ những phân tích và nhận định nêu trên; Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T; giữ nguyên bản án sơ thẩm về tội danh, hình phạt và trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Mạnh H; Sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo H.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Mạnh H không phải nộp. Bị cáo Nguyễn Tư V2 là người cao tuổi nên được miễn.

[7] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hồng L1, về xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2025/HS-ST ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu (nay là tỉnh Cà Mau) về tội danh, hình phạt và trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Mạnh H; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2025/HS-ST ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu (nay là tỉnh Cà Mau) về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Mạnh H.

1. Tuyên bố các Nguyễn Mạnh H và Nguyễn Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản"*.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58; Điều 17, khoản 1 Điều 54, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H 06 (sáu) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt chấp hành án.

3. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58, Điều 17, khoản 1 Điều 54, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 (bảy) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt chấp hành án.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 587 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Hồng L1, Nguyễn Mạnh H và Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền cho bị hại, cụ thể gồm:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn X 184.912.750 đồng (phần nghĩa vụ của bị cáo L1 70.365.016 đồng, phần nghĩa vụ của bị cáo H 70.365.016 đồng, phần nghĩa vụ của bị cáo T 44.182.000 đồng).

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 199.272.400 đồng (phần nghĩa vụ của bị cáo L1 66.424.133 đồng, phần nghĩa vụ của bị cáo H 66.424.133 đồng, phần nghĩa vụ của bị cáo T 66.424.133 đồng).

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn T5 45.704.608 đồng (phần nghĩa vụ của bị cáo L1 15.234.869 đồng, phần nghĩa vụ của bị cáo H 15.234.869 đồng, phần nghĩa vụ của bị cáo T 15.234.869 đồng).

- Ông Đỗ Thái H3 108.000.000 đồng (phần nghĩa vụ của bị cáo L1 36.000.000 đồng, phần nghĩa vụ của bị cáo H 36.000.000 đồng, phần nghĩa vụ của bị cáo T 36.000.000 đồng).

+ Số tiền bị cáo H nộp 120.000.000 đồng; bị cáo T nộp 8.200.000 đồng để bồi thường thiệt hại được đối trừ trong giai đoạn thi hành án.

(Theo Lệnh chuyển có số 23091610300000369 lập ngày 07/12/2023 và Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 01/7/2024, bút lục 316 và 351).

+ Số tiền 68.024.018 đồng bị cáo Nguyễn Mạnh H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000291 ngày 29/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau để khắc phục toàn bộ hậu quả của bị cáo đối với các bị hại sẽ được đối trừ trong giai đoạn thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

5. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Mạnh H và Nguyễn Văn T không phải nộp.

6. Quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hồng L1, về xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VCT&KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Cà Mau; (5)
- VKSND tỉnh Cà Mau; (1)
- Công an tỉnh Cà Mau; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau; (1)
- THADS tỉnh Cà Mau; (1)
- Bị cáo Nguyễn Mạnh Hùng; (1)
- Bị cáo Nguyễn Văn Tư; (1)
- Lưu VT (5), HS (2) (Án Tâm -KT).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tuyết Trinh